

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2020/DS-PT**

Ngày: 20/5/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dự.

Các thẩm phán: Ông Lương Văn Can.

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Thương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Hà Thị Ngọc Bích
- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLPT- DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09A/2019/DS - ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐ - PT ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Anh Trịnh Hữu D, sinh năm 1985; địa chỉ: phường T, thành phố H , tỉnh Hòa Bình; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: phường N, thành phố H , tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Đức M (con trai bà N), cùng địa chỉ của bà N; có mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: phường T, thành phố H , tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Bùi Thị L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Trịnh Hữu D trình bày:

Do hai gia đình quen biết từ lâu, ngày 22-11-2015, anh D cho chị L vay số tiền 22.000.000 đồng để làm ăn, cho vay không thời hạn, lãi xuất 4.000 đồng/ngày; chị L không trả lãi theo thoả thuận. Khi cần tiền anh D yêu cầu chị L thanh toán nhưng chị L không trả mà có thái độ thách thức anh. Anh D khởi kiện yêu cầu chị L phải trả số tiền nợ gốc 22.000.000 đồng và lãi xuất theo quy định của pháp luật. Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là bản gốc Giấy vay tiền đề ngày 22-11-2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, bà N cho chị L vay tiền để làm ăn. Ngày 28-12-2015 âm lịch cho vay 85.000.000 đồng và ngày 25-6-2016 âm lịch cho vay 48.000.000 đồng; tổng cộng 133.000.000 đồng; cho vay không thời hạn và không có lãi; hai lần vay tiền chị L tự viết giấy vay. Khi cần tiền bà N nhiều lần yêu cầu chị L thanh toán nhưng chị L không trả mà có thái độ thách thức bà. Bà N khởi kiện yêu cầu chị L phải trả cho bà số tiền gốc 133.000.000 đồng và lãi xuất theo quy định của pháp luật. Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là hai Giấy vay tiền đề ngày 28-12-2015 và ngày 25-6-2016.

Bị đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc, chị không quen biết anh D, không ký bất kỳ giấy tờ vay mượn nào (BL 78).

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 09A/2019/DSST ngày 23 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trịnh Hữu D và Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn Bùi Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trịnh Hữu D tổng số tiền 25.682.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 161.244.000 đồng. Về án phí, chị L phải chịu 9.346.000 đồng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, việc thi hành án.

Ngày 21-10-2019 bị đơn Bùi Thị L có đơn kháng cáo, nội dung: Bị đơn không vay tiền của anh D và bà N; quá trình xét xử sơ thẩm chị không được biết về việc giải quyết xét xử của Tòa án, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn trình bày, bản thân và gia đình thường xuyên sinh sống ổn định tại địa phương nơi cư trú; chữ viết, chữ ký trong 03 giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không phải là chữ viết, chữ ký của chị. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chị phải trả cho anh D và bà N gần 200.000.000 đồng là không đúng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho chị biết Kết luận giám định. Chị L thừa nhận chữ viết, chữ ký trong “Phiếu thu thập thông tin dân cư” từ Bút lục 72 đến bút lục 76 và chữ ký, chữ viết Bùi Thị L tại “Biên bản lấy lời khai đương sự” ngày 28-6-2017 đúng là chữ viết, chữ ký của chị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán được phân công tham gia Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngày 25-8-2017 khi Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Tổ trưởng dân phố đến tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho chị L, chồng chị L có lời nói và hành động manh động nên không tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị L nữa mà thực hiện việc niêm yết tại UBND phường và tổ dân phố nơi chị L cư trú, việc đó là vi phạm quy định tại Điều 174, 175, 177, 179 BLTTDS. Hồ sơ vụ án không có tài liệu tổng đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20-03-2017 cho nguyên đơn và bị đơn; bị đơn không nhận được Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03A/2017/QĐST-DS, ngày 29-03-2017. Vụ án có hai nguyên đơn nhưng chỉ có một nguyên đơn là anh D có đơn đề nghị giám định, còn bà N không có đơn yêu cầu giám định; việc Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định đối với hai nguyên đơn là không đúng. Tòa án không xác định người có đơn yêu cầu giám định nộp tạm ứng chi phí giám định, bản án sơ thẩm không đề cập đến chi phí giám định là vi phạm khoản 1 Điều 160 BLTTDS năm 2015. Hai nguyên đơn không xác định được ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Tòa án không có biên bản tiếp nhận đơn khởi kiện theo Điều 191 BLTTDS, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ là ngày thụ lý vụ án là không chính xác. Nguyên đơn Trịnh Hữu D trình bày chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 22-11-2015 (dòng 1,2,3,6 là do chị L viết), dòng thứ 4,5 (số tiền bằng số, bằng chữ) là do anh D viết. Tòa án cấp sơ thẩm không lấy lời khai của chị L, đối chất giữa chị

L và anh D mà căn cứ vào Kết luận giám định chữ viết trong giấy vay tiền là chữ chi L, quyết định buộc chi L phải trả 22.000.000 đồng tiền gốc và 3.682.000 đồng tiền lãi cho anh D là chưa đủ căn cứ vững chắc. Đề nghị áp dụng áp dụng khoản 3 Điều 308 và 310 BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm số 09A/2019/DSST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn Trịnh Hữu D và Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn Bùi Thị L trả tiền vay. Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn có địa chỉ tại thành phố H , Tòa án nhân dân (TAND) thành phố H thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung kháng cáo

[2.1] Về tố tụng

Ngày 12-7-2017, cán bộ Tòa án tổng đạt trực tiếp cho bị đơn L 03 văn bản: Thông báo thụ lý vụ án số 20/2017/TLST - DS ngày 30-6-2017, Quyết định nhập vụ án số 02/2017/QĐST - DS ngày 03-7-2017 và giấy triệu tập đương sự ngày 03-7-2017, bị đơn L từ chối không nhận ba văn bản nêu trên. Theo biên bản làm việc ngày 25-8-2017 tại Công an phường T, trong ngày 25-8-2017, cán bộ Tòa án đến nhà chi L yêu cầu cung cấp lời khai, tổng đạt các văn bản tố tụng, phía bị đơn L từ chối không nhận văn bản và có thái độ không hợp tác với cán bộ Tòa án nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết toàn bộ các văn bản nêu trên tại UBND phường và tổ dân phố nơi chi L sinh sống từ ngày 25-8-2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chi L mà thực hiện việc niêm yết.

[2.2] Điều 177. Thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân

Đoạn 2 khoản 5 Điều 177 BLTTDS quy định: *“Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của họ thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường,*

thị trấn; đồng thời, thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tổng đạt theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật này. Biên bản phải được lưu trữ hồ sơ vụ án”.

Khoản 1 Điều 179 BLTTDS quy định: Thủ tục niêm yết công khai quy định: *“Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại điều 177 và điều 178 của Bộ luật này”.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày bản thân và gia đình sinh sống thường xuyên, ổn định tại tổ 9 (tổ 12 cũ), phường T, thành phố H. Căn cứ vào quy định của BLTTDS viện dẫn nêu trên thì Tòa án thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng đối với bị đơn trong trường hợp bị đơn vắng mặt nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới; phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo, có xác nhận của các thành phần theo quy định, đồng thời, thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tổng đạt. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng trong trường hợp bị đơn có mặt thường xuyên tại nơi cư trú là trái với quy định tại đoạn 2 khoản 5 Điều 177, khoản 1 Điều 179 BLTTDS.

[2.3] Trung cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bị đơn tại các Giấy vay tiền

Ngày 20-4-2018 nguyên đơn Trịnh Hữu D có đơn đề nghị trung cầu giám định chữ ký chữ viết của bị đơn L tại dòng 1, 2, 3 và 6 trong bản gốc Giấy vay ngày 22-11-2015; anh D khai dòng 4, 5 là chữ của anh (BL 66). Nguyên đơn Nguyễn Thị N không có đơn đề nghị trung cầu giám định chữ ký, chữ viết trong hai giấy vay tiền ngày 28-12-2015 và ngày 25-6-2016.

Quyết định trung cầu giám định số 01/2018/QĐ-TCGD, ngày 26-04-2018 của TAND thành phố H có ghi: Xét yêu cầu Tòa án trung cầu giám định của bà Nguyễn Thị N và anh Trịnh Hữu D là đồng nguyên đơn trong vụ án; đối với chữ ký, chữ viết của người tên Bùi Thị L trong các giấy vay tiền đề ngày 28-12-2013, 22-11-2015, 25-6-2016.

[2.3.1] Điều 102 BLTTDS quy định về trung cầu giám định: *“Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án trung cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định. Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán ra quyết định trung cầu giám định”.*

[2.3.2] Nguyên đơn Trịnh Hữu D có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký chữ viết của chị L tại dòng 1, 2, 3 và 6 trong giấy vay ngày 22-11-2015 (dòng

4, 5 là chữ viết của nguyên đơn D), không yêu cầu giám định toàn bộ giấy vay; nhưng Tòa án quyết định trưng cầu giám định toàn bộ giấy vay là không đúng với yêu cầu của nguyên đơn; hơn nữa, giấy vay ghi ngày 22-11-2015, quyết định ghi 22-11-2013 là sai (sai năm). Vụ án có hai nguyên đơn nhưng chỉ có một nguyên đơn yêu cầu trưng cầu giám định, còn nguyên đơn Nguyễn Thị N không có đơn trưng cầu giám định nhưng Tòa án quyết định trưng cầu giám định đối với giấy vay tiền của hai nguyên đơn là không đúng; mặt khác, sau khi có kết luận giám định, Tòa án không thông báo cho chị L biết là không đảm bảo quyền của bị đơn quy định tại khoản 12 Điều 70 BLTTDS; không xác định người nộp tạm ứng chi phí giám định, số tiền nộp tạm ứng và người nào phải chịu chi phí giám định là thiếu sót.

[2.4] Quyết định nhập vụ án

Ngày 11-01-2017, TAND thành phố H đã thụ lý vụ án số 01/2017/TLST-DS giữa nguyên đơn Trịnh Hữu D và bị đơn Bùi Thị L, quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngày 30-6-2017, TAND thành phố H thụ lý vụ án số 20/2017/TLST - DS giữa nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Bùi Thị L, quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngày 03-7-2017, TAND thành phố H Quyết định nhập vụ án số 01/2017/QĐST-DS, quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt trực tiếp cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án đối với nguyên đơn Nguyễn Thị N khởi kiện bị đơn Bùi Thị L và Quyết định nhập vụ án của TAND thành phố là không đúng với quy định tại Điều 177 BLTTDS.

[2.5] Về đánh giá chứng cứ

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày không vay tiền của anh D và bà N; chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền do nguyên đơn xuất trình không phải của bị đơn. Mặt khác, chứng cứ do hai nguyên đơn đưa ra trong khi phía bị đơn không chấp nhận, bị đơn chưa được tiếp cận công khai chứng cứ, chưa được hòa giải, chưa được đối chất theo Điều 208, Điều 209 và Điều 100 BLTTDS

Như đã phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ. Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Những yêu cầu của các đương sự sẽ được xem xét khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

Bị đơn Bùi Thị L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bùi Thị L: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09A/2019/DSST, ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, giữa: Nguyên đơn Trịnh Hữu D, Nguyễn Thị N với bị đơn Bùi Thị L .

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm các đương sự đã nộp sẽ được xử lý khi Tòa án nhân dân thành phố H tiếp tục giải quyết lại vụ án.

Hoàn lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm cho bị đơn Bùi Thị L, theo biên lai thu tiền số 0006589 ngày 27-12-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H .

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20-5-2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND TP. H
- Chi cục THADS TP. H
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Dụ